

Số: 01/2021/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 01 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi và thời gian được hưởng kinh phí bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ (LẦN 9)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 948/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp;
- b) Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và Ban bầu cử đại biểu HĐND các cấp;
- c) Tổ bầu cử;
- d) Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp;
- đ) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí bầu cử

Các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quy định mức chi, thời gian được hưởng và nguồn kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

1. Mức chi: Chi tiết các mức chi theo Phụ lục đính kèm tại Nghị quyết này.

2. Thời gian được hưởng:

a) Kinh phí bầu cử được thực hiện trong thời gian tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại tỉnh Bình Thuận.

b) Đối với các nội dung chi gồm: chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động và chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử thì thời gian được hưởng theo phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Nguồn kinh phí:

a) Từ ngân sách tỉnh phân bổ.

b) Đối với cấp huyện, trường hợp kinh phí bầu cử của cấp huyện cao hơn tổng mức kinh phí bầu cử ngân sách tỉnh đã phân bổ, phần chênh lệch này do

ngân sách cấp huyện đảm bảo. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung từ ngân sách địa phương.

c) Đối với cấp xã, trường hợp kinh phí bầu cử của cấp xã cao hơn tổng mức kinh phí bầu cử ngân sách tỉnh đã phân bổ, phần chênh lệch này do ngân sách cấp xã đảm bảo. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung từ ngân sách địa phương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp chuyên đề (lần 9) thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.09b), K.T.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

PHỤ LỤC

**Mức chi và thời gian được hưởng kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND
ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung chi	Mức chi		
I	Chi cho các tổ chức phụ trách bầu cử và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức các hội nghị			
1.1	Chi tổ chức các hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi, công tác phí, chi tổ chức hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh		
1.2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01/3/2019 của Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 và Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 25/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			

STT	Nội dung chi	Mức chi		
2.1	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN			
-	Chủ trì cuộc họp	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên tham dự	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
2.2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	150.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên tham dự	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, theo dõi địa bàn của Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban MTTQVN			
3.1	Công tác phí	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
3.2	Hỗ trợ thêm ngoài công tác phí			
-	Trưởng đoàn	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung chi	Mức chi		
-	Thành viên chính thức của Đoàn	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
-	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp Đoàn	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
-	Lái xe	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	0
4	Chi xây dựng văn bản liên quan đến công tác bầu cử của Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQVN			
4.1	Kế hoạch, biên bản tổng kết cuộc bầu cử, Thông báo dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu HĐND; phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND và thông báo điều chỉnh (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	1.800.000 đồng/văn bản	1.000.000 đồng/văn bản	600.000 đồng/văn bản
4.2	Báo cáo phục vụ các đoàn kiểm tra, giám sát của cấp trên; báo cáo phục vụ các cuộc họp của Ủy ban bầu cử; báo cáo định kỳ	800.000 đồng/văn bản	400.000 đồng/văn bản	200.000 đồng/văn bản
4.3	Văn bản của Thường trực UBBC hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ có phạm vi toàn tỉnh (đối với cấp tỉnh) hoặc toàn huyện (đối với cấp huyện)	800.000 đồng/văn bản	400.000 đồng/văn bản	0
4.4	Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử	Mức chi bằng hoặc thấp hơn mức chi soạn thảo Nghị quyết của HĐND cùng cấp quy định tại Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 19/12/2017 của HĐND tỉnh		
		8.600.000 đồng	5.000.000 đồng	2.500.000 đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi		
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử	Thời gian hưởng tối đa không quá 5 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền		
5.1	Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử			
-	Trưởng ban chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	2.200.000 đồng/người/tháng	1.200.000 đồng/người/tháng	700.000 đồng/người/tháng
-	Thành viên Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử	2.000.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/tháng	500.000 đồng/người/tháng
-	Tổ giúp việc	1.800.000 đồng/người/tháng	800.000 đồng/người/tháng	300.000 đồng/người/tháng
5.2	Các đối tượng khác được trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử			
-	Thời gian trưng tập dưới 15 ngày	70.000 đồng/người/ngày	50.000 đồng/người/ngày	30.000 đồng/người/ngày
-	Thời gian trưng tập từ 15 ngày trở lên	1.200.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/tháng	600.000 đồng/người/tháng
5.3	Bồi dưỡng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử tại các tổ chức phụ trách bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động	Thời gian hưởng tối đa không quá 05 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán cao nhất.		
6.1	Thường trực Ban chỉ đạo công tác bầu cử	500.000	400.000	300.000

STT	Nội dung chi	Mức chi		
		đồng/người/tháng	đồng/người/tháng	đồng/người/tháng
	tỉnh, cấp huyện; Thường trực Ủy ban bầu cử các cấp			
6.2	Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử	Thời gian hưởng từ ngày 28/4/2021 đến ngày 13/5/2021 (15 ngày)		
7.1	Người được giao trực tiếp công dân	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
7.2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi
7.3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
8	Chi đóng thùng phiếu (trong trường hợp thùng phiếu cũ không thể sử dụng được hoặc cần phải bổ sung)	Mức chi tối đa 350.000 đồng/thùng phiếu	0	0
9	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	Mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu	0	0
10	Chi hỗ trợ vận hành chuyên mục về công tác bầu cử của Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ và các địa phương	Mức chi trả nhuận bút, thù lao theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận		
11	Chi công tác tuyên truyền, in ấn	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu		
12	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: Văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt.		

STT	Nội dung chi	Mức chi
II	Chi cho Tổ bầu cử	
1	Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (trong trường hợp không thể sử dụng trụ sở thôn, khu phố, nhà văn hóa, hội trường, trường học)	1.000.000 đồng
2	Chi bồi dưỡng cho việc lập danh sách cử tri theo khu vực bỏ phiếu	Khu vực bỏ phiếu có dưới 600 cử tri: Mức chi là 500.000 đồng
		Khu vực bỏ phiếu có từ 600 cử tri đến dưới 1.100 cử tri: Mức chi là 700.000 đồng
		Khu vực bỏ phiếu có từ 1.100 cử tri trở lên: Mức chi là 1.000.000 đồng
3	Chi bồi dưỡng thành viên Tổ bầu cử (Tổ trưởng Tổ bầu cử quyết định chi cho các thành viên theo nhiệm vụ được phân công)	2.000.000 đồng
4	Bồi dưỡng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	150.000 đồng/người/ngày
5	Chi tiền ăn cho thành viên Tổ bầu cử trong 03 ngày (trước ngày bầu cử, ngày bầu cử và sau ngày bầu cử)	90.000 đồng/người/ngày
6	Chi trang bị phòng bỏ phiếu	5.000.000 đồng
7	Chi trang trí, loa đài	3.000.000 đồng
8	Chi văn phòng phẩm và một số nội dung khác theo quy định	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ